TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2019
"V/v: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Xuân Dệt
2. Bà Tô Thị Lành

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Trần Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 867/2019/TLST- HNGĐ ngày24 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp: "Yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1988.
Địa chỉ: thôn 4, xã G, TP.P, Gia Lai, có mặt.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1984.
Địa chỉ: tổ 10, phường I, TP. P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/ 01/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Lê Thị Thanh T trình bày:

Chị T và Anh K tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, TP.P, Gia Lai vào năm 2006. Quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi sống hạnh phúc được thời gian, đến thời gian gần đây thì Chị T và Anh K bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do Chị T và Anh K bất

đồng quan điểm sống, giữa hai vợ chồng không thể nào có tiếng nói chung, Anh K thường xuyên gây ra nợ nần và tôi phải gánh vác những khoản nợ nói trên, đồng thời Anh K cũng không quan tâm đến gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

- Về con chung: anh chị có 02 con chung: Nguyễn Lê Gia B; sinh ngày 28/4/2007 và cháu Nguyễn Lê Như Q, sinh ngày 09/02/2014. Ly hôn Chị T có nguyên vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu Anh K dưỡng nuôi con cùng chị.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị T và Anh K tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn K không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bản thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Thị Thanh T có đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn K, cư trú tại: tổ 10, phường I, TP.P, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và và được Ủy ban nhân dân xã G, Tp.P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 28-02-2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của Chị T và Anh K là hợp pháp.

Quá trình chung sống Chị T cho rằng Anh K không quan tâm tới gia đình, giữa vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống, không thể nào có tiếng nói chung, Anh K thường xuyên gây ra nợ nần và Chị T phải gánh vác những khoản nợ nói trên, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, hiện Chị T và Anh K đã sống ly thân không còn quan tâm gì tới nhau. Theo biên bản xác minh ngày 20-02-2019 (Bút lục số 29) có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường I, TP. P, Gia Lai thể hiện anh Nguyễn Văn K hiện đang sinh sống tại địa phương tại tổ dân phố 10, phường I, Tp.P, Gia Lai. Quá trình giải quyết vụ án, Anh K không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của Chị T và Anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, Anh K đã đã bỏ mặc không có bất cứ ý kiến gì về cuộc hôn nhân của hai vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T.

[3] Về con chung: Chị T và Anh K có 02 con chung là Nguyễn Lê Gia B; sinh ngày 28/4/2007 và cháu Nguyễn Lê Như Q, sinh ngày 09/02/2014. Ly hôn Chị T có nguyên vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu Anh K dưỡng nuôi con cùng chị, các con hiện đang sống cùng với mẹ và cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của Chị T.

[4] Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị T có đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu Anh K phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và Anh K tự thỏa thuận về phần tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T và Anh K không có nợ chung nên không có yêu cầu gì. Do đó, Tòa án không đề cập đến.

[6] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Gia B; sinh ngày 28/4/2007 và cháu Nguyễn Lê Như Q, sinh ngày 09/02/2014 cho chị Lê Thị Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai số 0004415 ngày 24-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã G, TP. P, Gia Lai.
(Giấy CNKH số 35 ngày 03-7-2008);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Hồng